

Bản án số: 190/2024/HNGĐ – ST  
Ngày: 21/11/2024  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Tuấn Phong và bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

***- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.***

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số số 576/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 681/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Tuyết M, sinh năm 1988, địa chỉ: Số I, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Hồ Đức T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số I, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà M và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Cao Thị Tuyết M trình bày:***

Về hôn nhân: Bà M và ông T quen biết qua mai mối và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2010 tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn không hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Cao Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Đức T

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Thị Huỳnh N, sinh ngày

29/7/2009. Hiện con chung đang sống cùng bà Cao Thị Tuyết M, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là ông Hồ Đức T có văn bản trình bày ý kiến vào ngày 18/10/2024 như sau:** Ông T thống nhất với bà M về con chung, về hôn nhân bà M yêu cầu ly hôn ông T đồng ý, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay vì tình trạng sức khỏe yếu nên xin vắng mặt hòa giải và xét xử.

\* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Bà Cao Thị Tuyết M và ông Hồ Đức T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tranh chấp giữa bà Cao Thị Tuyết M và ông Hồ Đức T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại số I, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Cao Thị Tuyết M và ông Hồ Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông T.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T quen biết qua mai mối và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2020 tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn không hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Cao Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Đức T. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà M và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà T1 vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng giữa vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Từ đó, có thể nhận thấy tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông T.

[2.3] Về con chung: Bà M và ông T thống nhất có 01 con chung tên 01 con chung tên Hồ Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/7/2009, con chung hiện nay đang sống

với bà M. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Hồ Thị Huỳnh N hiện nay do bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Hồ Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/7/2009 cho bà M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Cao Thị Tuyết M không yêu cầu ông Hồ Đức T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Cao Thị Tuyết M và ông Hồ Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Cao Thị Tuyết M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Tuyết M. Bà Cao Thị Tuyết M được ly hôn với ông Hồ Đức T.

- Về con chung: Hồ Thị Huỳnh N, sinh ngày 29/7/2009 cho bà Cao Thị Tuyết M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà Cao Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001550 ngày 10 tháng 10 năm 2004 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Cao Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Đức Anh**







